

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2023/DS-ST
Ngày 24 ngày 8 năm 2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Quốc Quân

Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hợp tác xã Dâu tây H. Địa chỉ: Tiểu khu H, xã C, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật : Bà Bùi Thị T– Giám đốc Hợp tác xã.

Bị đơn: Ông Tòng Văn T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 17/12/2022, Hợp tác xã Dâu tây H có ký hợp đồng bán cây dây cây giống Nhật Hân Lai F1 với ông Tòng Văn T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản M, xã B, huyện

Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Thực hiện hợp đồng, Hợp tác xã đã giao cho ông T2 1.100 cây giống với giá 8.000VNĐ/cây, 550kg phân hữu cơ, 03 cuộn túi ni lông, 03 bịch gim cấp luống dâu tây, tổng T2 tiền là 16.700.000VNĐ. Ông T2 đã nhận đủ số lượng như trên và thanh toán trước 4.000.000VNĐ, còn nợ lại 12.700.000VNĐ sẽ thanh toán 50% trước ngày 05/01/2023. Tuy nhiên, ông T2 không thanh toán theo thỏa thuận. Khi đến yêu cầu thanh toán, ông T2 đã có những lời lẽ đe dọa, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền còn nợ. Vì vậy, bà Bùi Thị T– đại diện theo pháp luật của HTX Dâu tây H khởi kiện, đề nghị ông Tòng Văn T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Bản Mé, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 12.700.000 VNĐ theo Hợp đồng bán cây dâu tây giống nhận Hana Lai F1 ngày 17/12/2022.

Tại biên bản lấy lời khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Tòng Văn T2 trình bày:

Ông xác nhận có ký hợp đồng bán cây dâu tây giống Nhật Hân Lai F1 ngày 17/12/2022 với bà Bùi Thị T– đại diện Hợp tác xã Dâu tây H sau khi được bà T giới thiệu về việc trồng dâu tây. Ông đã nhận đủ 1.100 cây giống, 550kg phân hữu cơ, 03 cuộn túi ni lông, 03 bịch gim cấp luống dâu tây của bà Thơ, đã thanh toán trước 4.000.000VNĐ, còn nợ lại 12.700.000VNĐ. Sau khi ký hợp đồng, bà T đã hứa sẽ hướng dẫn kỹ thuật trồng và chăm sóc, bao tiêu sản phẩm khi thu hoạch... Lợi nhuận sẽ chia đôi. Thỏa thuận này không được lập T2 văn bản nhưng có người làm chứng là ông Bùi Văn Nguyên và ông Lê Hùng Sơn trú tại Tiểu khu 11, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn. Tuy nhiên, bà T không thực hiện theo thỏa thuận, không hướng dẫn chăm sóc cây dâu và không bao tiêu sản phẩm, không chỉ nơi bán sản phẩm. Điều này dẫn đến ông không bán được sản phẩm, ảnh hưởng đến kinh tế gia đình ông. Vì vậy, ông không nhất trí thanh toán số tiền còn lại cho bà Thơ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án, nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dâu tây H. Buộc ông Tòng Văn T2 phải

thanh toán cho Hợp tác xã dâu tây H số tiền mua cây giống dâu tây, phân bón theo Hợp đồng được ký giữa các bên là 12.700.000VNĐ.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn - Hợp tác xã dâu tây H khởi kiện yêu cầu ông Tòng Văn T2 (cư trú tại bản Mé, xã B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) phải trả số tiền theo hợp đồng bán cây dâu tây giống nhật Hana lai F1 được ký kết giữa các bên. Tòa án thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quá trình giao kết hợp đồng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp (gồm hợp đồng bán cây dâu tây giống nhật Ha Na lai F1 được lập ngày 17/12/2022) và phần trình bày của nguyên đơn và bị đơn, có căn cứ xác định: Ngày 17/12/2022, Hợp tác xã dâu tây H và ông Tòng Văn T2 có giao kết với nhau hợp đồng mua bán cây dâu tây giống nhật Ha Na giữa bên bán là Hợp tác xã dâu tây H và bên mua là ông Tòng Văn T2. Theo nội dung của hợp đồng, Hợp tác xã dâu tây H có trách nhiệm bán cho ông Tòng Văn T2 1.100 cây dâu nhật Ha Na lai F1 với đơn giá thỏa thuận là 8.000VNĐ/1cây, 550kg phân hữu cơ tổng hợp, 3 cuộn nilon, 3 bịch ghim. Giá trị của hợp đồng là 16.700.000VNĐ. Phương thức thanh toán bên B (ông T2) phải trả trước cho bên A (hợp tác xã dâu tây H) 50% trước ngày 05/01/2023. Hợp đồng giữa các bên được lập T2 văn bản. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung của hợp đồng không trái đạo đức xã hội và không thuộc trường hợp pháp luật cấm, phù hợp với nội dung đăng ký kinh doanh của Hợp tác xã dâu tây H. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 398, 401, 430, 431 Bộ luật dân sự năm 2015 xác định đồng bán cây dâu tây giống nhật Ha Na lai F1 được lập ngày 17/12/2022 có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia hợp đồng.

Về quá trình thực hiện hợp đồng: Tại bản tự khai và tại phiên tòa, các đương sự đều thống nhất nội dung: Sau khi ký hợp đồng, hợp tác xã dâu tây H đã giao cho ông T2 toàn bộ các sản phẩm theo nội dung của hợp đồng vào ngày 17/12/2022. Cùng ngày ông T2 đã thanh toán cho Hợp tác xã dâu tây H 4.000.000VNĐ. Số tiền còn nợ lại chưa thanh toán theo hợp đồng là 12.700.000VNĐ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T2 có xác định sau khi ký hợp đồng, bà Tlà giám đốc hợp tác xã dâu tây H đã hứa hẹn về việc hỗ trợ kỹ thuật chăm sóc, bao tiêu sản phẩm đầu ra cho ông. Tuy nhiên sau đó bà Tkhông thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ như đã hứa hẹn, làm cho sản phẩm dâu tây của ông sau khi được thu hoạch không tiêu thụ được. Toàn bộ việc đầu tư chăm sóc cây dâu tây bị thua lỗ, không thu hồi được đồng vốn nào. Do vậy, ông T2 không nhất trí trả số tiền còn nợ lại và yêu cầu bà Tphải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện cam kết của mình. Hội đồng xét xử thấy rằng: thỏa thuận giữa ông T2 và bà Tkhông được lập T2 văn bản, không xác định trách nhiệm cụ thể của các bên khi vi phạm thỏa thuận, không thống nhất việc thỏa thuận này là của cá nhân bà Thay của hợp tác xã dâu tây H, thỏa thuận này có phải là một phần không tách rời của hợp đồng đã được ký kết hay không. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét trách nhiệm của Hợp tác xã dâu tây H đối với thỏa thuận giữa ông T2 và bà Thơ. Đối với thỏa thuận về chuyển giao kỹ thuật chăm sóc và bao tiêu sản phẩm giữa ông T2 và bà Thơ, ông T2 có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Với những chứng cứ nêu trên, đối chiếu với các quy định tại Điều 357, 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T2 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền chưa trả theo hợp đồng mua bán cây dâu tây giống được ký giữa các bên, số tiền là 12.700.000VNĐ.

Do nguyên đơn không đề nghị xem xét buộc ông T2 phải thực hiện nghĩa vụ chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 635.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 357, 430, 433, 434, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dâu tây H. Buộc ông Tòng Văn T2 phải thanh toán cho Hợp tác xã dâu tây H tổng số tiền là 12.700.000VNĐ (*Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng*) theo Hợp đồng bán cây dâu tây giống nhật Hana lai F1 ngày 17/12/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (Hợp tác xã dâu tây H) cho đến khi thi hành án xong, ông Tòng Văn T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Hợp tác xã dâu tây H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **317.000VNĐ (Ba trăm mười bảy nghìn đồng)** theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **AA/2021/0003668** ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

Ông Tòng Văn T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 635.000VNĐ (Sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Thanh Nga

